

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ**

Bản án số: 16/2025/DS-PT

Ngày: 18-3-2025

“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Tiến

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Trọng Cẩn

Bà Thái Thị Hồng Vân

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng Anh – Kiểm sát viên

Trong các ngày 14 và ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2023/TLPT- DS ngày 04 tháng 8 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 08/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Tòa án nhân dân quận Thuận Hóa, thành phố H) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 165/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 9 năm 2024, Thông báo mở lại phiên tòa số 703/TB-TA ngày 18/2/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị B, sinh năm 1960; địa chỉ: Lô B, phường X, quận T thành phố H; có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Đoàn Thị M, sinh năm 1979; địa chỉ: D hẻm F kiệt A T, phường A, quận T, thành phố H; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Anh D, sinh năm 1980; địa chỉ: A T, phường P, quận T thành phố H; vắng mặt. Bà Nguyễn Thị Như Ý, sinh năm 1983; địa chỉ: A T, phường P, quận T thành phố H; vắng mặt. Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: + Bà Nguyễn Thị Thảo N, sinh năm 1988; địa chỉ: C P, phường A, quận T thành phố H; người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông D và bà Ý; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Hoài L, sinh năm 2000; địa chỉ: C P, phường A, quận T thành phố H; người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông D và bà Ý; vắng mặt.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Nguyễn Thị Như Ý và ông Hoàng Anh D: Ông Nguyễn Công T, ông Lê Văn C và bà Trần Thị H, Luật sư của Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ; địa chỉ: Tầng B Tòa nhà T, số H N, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng; đều vắng mặt.

5. Người kháng cáo: Bị đơn ông Hoàng Anh D, bà Nguyễn Thị Như Ý.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng của nguyên đơn bà Hồ Thị B trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết trong việc làm ăn nên từ năm 2019, vợ chồng ông Hoàng Anh D và bà Nguyễn Thị Như Ý nhiều lần mượn bà Hồ Thị B tiền để mua nhà tại địa chỉ A T, phường P, thành phố H thông qua việc mượn tiền mặt và chuyển khoản, nộp vào tài khoản. Ông D, bà Ý cam kết mua nhà xong thì sẽ trả nợ cho bà B nhưng khi mua nhà xong thì không trả. Đến ngày 30/7/2021, bà Ý viết lại hợp đồng vay tiền đáo hạn ngân hàng, chốt lại số tiền gốc còn nợ là 4.270.000.000 đồng, tiền lãi còn nợ là 686.600.000 đồng và hẹn trong thời gian 30 ngày sẽ trả nhưng đến nay vẫn chưa trả. Do bà B nhiều lần đòi nhưng ông D, bà Ý không trả nên bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông D, bà Ý phải trả cho bà B số tiền gốc 4.270.000.000 đồng và tiền lãi 686.600.000 đồng, tổng cộng hai khoản là 4.956.600.000 đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, phía nguyên đơn xuất trình bản chính hợp đồng vay tiền đáo hạn ngân hàng đề ngày 30/7/2021.

Bị đơn ông Hoàng Anh D và bà Nguyễn Thị Như Ý trình bày:

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 27/12/2021: Cuối năm 2019, do cần tiền làm ăn nên vợ chồng ông D, bà Ý mượn của bà B 1.450.000.000 đồng, sau nhiều lần đến hạn nhưng không trả gốc và lãi được nên bà B đã yêu cầu ông D, bà Ý nhiều lần chốt nợ, kể cả các khoản vay trước đã trả tiền gốc (cộng thêm số tiền lãi vào, trung bình từ 75.000 đồng - 90.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng, tức là lãi 2.500 đồng - 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày) nên mới ra số tiền 4.270.000.000 đồng và tiền lãi 686.600.000 đồng như bà B khởi kiện. Do quá trình làm ăn trước đây, bà B đã lấy lãi của ông D, bà Ý rất nhiều, hiện nay ông D, bà Ý lâm vào tình trạng khó khăn nên có nguyện vọng trả cả gốc lẫn lãi là 2.000.000.000 đồng, trả trong vòng 04 đợt.

Tại biên bản đối chất ngày 24/11/2022: Ông D, bà Ý chỉ thừa nhận có nợ bà B số tiền 1.450.000.000 đồng, còn số tiền phát sinh sau này khi bà Ý ký vào hợp đồng vay tiền đáo hạn ngân hàng đề ngày 30/7/2021 thì ông D không biết, đồng thời ông D, bà Ý cho rằng việc bà B lấy lãi với số tiền 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày là quá cao nên bà Ý đã có đơn tố cáo đến cơ quan công an để yêu cầu xử lý bà B về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Huế (nay là Tòa án nhân dân quận Thuận Hóa) đã gửi Công văn cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H (cũ) để hỏi về kết quả giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị Như Ý và đã tạm đình chỉ giải quyết vụ án; ngày 26/9/2022, Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ) nhận được Công văn số 1531/CQĐT-HS ngày 20/9/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H (cũ) trả lời với nội dung: “Quá trình xác minh không đủ căn cứ xác định bà Hồ Thị B cho chị Nguyễn Thị Như Ý vay lãi nặng vì chị Ý không cung cấp được các vấn đề liên quan việc trả lãi nên chưa có căn cứ để xử lý bà Hồ Thị B về tội “Cho

vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự” nên Tòa án đã đưa vụ án ra tiếp tục giải quyết.

Ngày 06/02/2023, bà Nguyễn Thị Như Ý có đơn tiếp tục đề nghị Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án với lý do Công an tỉnh T (nay là Công an thành phố H) đang giải quyết đơn của bà tố cáo bà Hồ Thị B, ngày 07/02/2023, Tòa án nhân dân thành phố Huế (nay là Tòa án nhân dân quận Thuận Hóa) đã có Công văn số 20/CV-TA trả lời cho bà Nguyễn Thị Như Ý không có căn cứ để tiếp tục tạm đình chỉ giải quyết vụ án.

Tòa án nhân dân thành phố Huế (nay là Tòa án nhân dân quận Thuận Hóa) đã tiến hành thu thập chứng cứ tại Ngân hàng N1-Chi nhánh N2 và Ngân hàng thương mại cổ phần A-Chi nhánh N2 và đã thu thập được các chứng từ giao dịch liên quan đến việc chuyển tiền, nộp tiền của bà Hồ Thị B, ông Nguyễn Thành P vào tài khoản của ông Hoàng Anh D tại các ngân hàng nói trên.

Tòa án nhân dân thành phố Huế (nay là Tòa án nhân dân quận Thuận Hóa) đã yêu cầu bà Nguyễn Thị Như Ý cung cấp chứng cứ liên quan đến việc bà Hồ Thị B cho vay tính lãi cao, đã tiến hành 02 phiên đối chất nhưng phía bị đơn không cung cấp được chứng cứ liên quan đến việc tính lãi.

Tại phiên tòa ngày 04/4/2023, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản lãi 686.600.000 đồng xuống còn 300.000.000 đồng, bổ sung yêu cầu khởi kiện tiền lãi của số tiền 4.270.000.000 đồng từ ngày 01/8/2021 đến ngày 01/4/2023 là 20 tháng với mức lãi suất 0,83%/tháng là 708.820.000 đồng, bị đơn chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc là 1.076.164.383 đồng và đề nghị được trả trong 6 tháng, đồng thời, phía bị đơn đề nghị đưa ông Nguyễn Thành P vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để giải quyết dứt điểm vụ án nên Hội đồng xét xử đã tạm ngưng phiên tòa để xác minh thu thập chứng cứ. Trong thời gian tạm ngưng phiên tòa, Tòa án đã lấy lời khai ông Nguyễn Thành P, tại biên bản lấy lời khai ngày 13/4/2023, ông P khẳng định số tiền 300.000.000 đồng ông P đã nộp vào tài khoản của ông Hoàng Anh D là tiền của bà Hồ Thị B, đồng thời ông P từ chối tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa án cũng đã thụ lý yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Hồ Thị B, đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bên không thỏa thuận được về nội dung vụ án nên Tòa án đã đưa vụ án ra tiếp tục xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trình bày tại phiên tòa ngày 04/4/2023, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến của mình đối với số tiền nợ gốc phải trả là 1.076.164.383 đồng và chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi của nguyên đơn theo mức lãi suất 0,83%/tháng trên số tiền 1.076.164.383 đồng, đối với việc chót lãi quá quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự thì đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bản án số 30/2023/DS-ST ngày 08/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Tòa án nhân dân quận Thuận Hóa, thành phố H) đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 188, Điều 208, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1, 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1, 2 Điều 26; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị B. Buộc vợ chồng ông Hoàng Anh D và bà Nguyễn Thị Như Ý phải trả cho bà Hồ Thị B số tiền 5.243.379.000 đồng (Năm tỉ hai trăm bốn mươi ba triệu ba trăm bảy mươi chín ngàn đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Hồ Thị B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông D, bà Ý chưa thi hành số tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị B đối với số tiền 35.440.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Tại đơn kháng cáo ngày 14/6/2023 của bị đơn bà Nguyễn Thị Như Ý và ông Hoàng Anh D đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, xác định vợ chồng bà Ý, ông D chỉ có trách nhiệm thanh toán cho bà Hồ Thị B số tiền nợ gốc là 1.076.164.383 đồng (*Một tỷ không trăm bảy mươi sáu triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi ba đồng*); Bác yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Hồ Thị B về việc yêu cầu vợ chồng ông Hoàng Anh D, bà Nguyễn Thị Như Ý phải trả số tiền lãi từ ngày 01/9/2021 cho đến ngày 01/4/2023, tạm tính mức lãi là 708.720.000 đồng. Vợ chồng ông D, bà Ý chỉ trả tiền lãi 169.711.123 đồng (*Một trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm mười một nghìn một trăm hai mươi ba đồng*).

Ngày 12/3/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị Như Ý và ông Hoàng Anh D có đơn sửa đổi nội dung đơn kháng cáo ngày 14/6/2023, nội dung sửa đổi: Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét và chấp nhận kháng cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị B, cụ thể:

- Xác định vợ chồng bà Nguyễn Thị Như Ý, ông Hoàng Anh D chỉ có trách nhiệm thanh toán cho bà Hồ Thị B số tiền nợ gốc là 926.164.383 đồng (Chín trăm hai mươi sáu triệu một trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm tám mươi ba đồng). Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị B1 yêu cầu chúng tôi phải trả nợ gốc số tiền 4.270.000.000 (Bốn tỷ hai trăm bảy mươi triệu đồng).

- Bác yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Hồ Thị B về việc yêu cầu vợ chồng chúng tôi phải trả số tiền lãi từ ngày 01/09/2021 cho đến ngày 01/4/2023, tạm tính mức lãi là 708.720.000 đồng. Vợ chồng ông D bà Ý chỉ trả tiền lãi 146.056.123 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu không trăm năm mươi sáu nghìn một trăm hai mươi ba đồng).

Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 25/8/2023, nguyên đơn bà Hồ Thị B có đơn tố cáo ông Hoàng Anh D và bà Nguyễn Thị Như Ý về hành vi lừa đảo; ngày 29/11/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị Như Ý có đơn tố giác hành vi có dấu hiệu phạm tội của bà Hồ Thị B. Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Toà án nhân dân thành phố Huế) có Công văn số 4793/CV-TA ngày 25/10/2023 v/v cung cấp thông tin xử lý Đơn tố cáo của bà Hồ Thị B và Công văn số 5986/CV-TA ngày 11/12/2023 v/v cung cấp thông tin xử lý Đơn của bà Nguyễn Thị Như Ý về tố giác hành vi có dấu hiệu phạm tội gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T (nay là Công an thành phố H). Ngày 21/8/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T (nay là Công an thành phố H) đã có Công văn số 1204/VPCQCSĐT-Đ3 ngày 30/7/2023 v/v cung cấp thông tin điều tra xử lý đơn, xác định đơn của bà Hồ Thị B tố cáo vợ chồng ông Hoàng Anh D, bà Nguyễn Thị Như Ý có hành vi lợi dụng việc tạm đình chỉ để tẩu tán tài sản, không trả lại tiền vay 5.234.379.000 đồng đã được Toà án nhân dân thành phố Huế (nay là Toà án nhân dân quận Thuận Hoá) xét xử sơ thẩm theo Bản án số 30/2023/DS-ST ngày 8/6/2023; bản án sơ thẩm bị kháng cáo nên Toà án sơ thẩm đã chuyển toà bộ hồ sơ cho Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Toà án nhân dân thành phố Huế) để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm, hiện nay Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Toà án nhân dân thành phố Huế) đang thụ lý; vì vậy, đơn tố cáo của bà Hồ Thị B không thuộc thẩm quyền điều tra xử lý của Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh T (nay là thành phố H). Ngày 9/9/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H (cũ) đã có Công văn số 2063/CQĐT-HS ngày 6/9/2024 nội dung trả lời: Quá trình xác minh không đủ căn cứ xác định việc bà Hồ Thị B cho bà Nguyễn Thị Như Ý vay lãi nặng vì chị Ý không cung cấp được các vấn đề liên quan việc trả lãi nên chưa có căn cứ để xử lý bà Hồ Thị B về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, không có vấn đề gì cần phải kiến nghị để khắc phục.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm, buộc ông Hoàng Anh D và bà Nguyễn Thị Như Ý số tiền 5.069.724.000 đồng, áp dụng điều 244 BLTTDS 2015 đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Như Ý và ông Hoàng Anh D làm trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo của bị đơn là hợp lệ. Ngày 12/3/2025, bị đơn có đơn sửa đổi nội dung đơn kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi

kiện, bị đơn giữ nguyên nội kháng cáo theo Đơn kháng cáo sửa đổi ngày 12/3/2025, các đương sự không thỏa thuận được với nhau nên Hội đồng xét xử xét cần tiếp tục xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Hoàng Anh D và bà Hồ Thị B đã nhiều lần có quan hệ vay mượn, thể hiện qua việc chuyển tiền, nộp tiền vào tài khoản của ông D. Bà Hồ Thị B cung cấp chứng cứ là một hợp đồng vay tiền đáo hạn ngân hàng đề ngày 30/7/2021, với nội dung số tiền vay 4.270.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày kể từ ngày 30/7/2021 đến ngày 30/8/2021, đồng thời chốt tiền lãi 686.600.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Như Ý đã thừa nhận chữ viết, chữ ký trong hợp đồng này là của bị đơn. Việc bà Nguyễn Thị Như Ý đứng ra chốt nợ với bà B vào ngày 30/7/2021 là sau các thời điểm chuyển tiền, nộp tiền và trả tiền của ông Hoàng Anh D đối với bà B, phù hợp với lời khai của bà Hồ Thị B cho vợ chồng ông D, bà Ý mượn nhiều lần thông qua việc đưa tiền mặt và chuyển khoản, nộp tiền vào tài khoản. Việc chốt nợ cũng thể hiện số tiền nợ gốc là 4.270.000.000 đồng và tiền lãi là 686.600.000 đồng.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận các khoản vay phục vụ việc mua nhà, làm ăn kinh doanh của vợ chồng ông D, bà Ý nên theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định đây là nghĩa vụ chung của vợ chồng ông D, bà Ý nên cần buộc ông D, bà Ý phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Hồ Thị B.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bên đương sự đều thừa nhận vào ngày 9/8/2021, bà Ý trả cho bà B số tiền 100.000.000 đồng, ngày 21/8/2021, bà Ý trả cho bà B 50.000.000 đồng, tổng cộng số tiền bà Ý trả thêm cho bà B sau thời điểm chốt nợ ngày 30/7/2021 là 150.000.000 đồng và vẫn chốt số tiền lãi còn lại là 686.600.000 đồng. Do vậy, số tiền bà Ý trả thêm cho bà B sau thời điểm chốt nợ là 150.000.000 đồng được trừ vào số tiền nợ gốc.

Số tiền tính lãi từ ngày 01/9/2023 cho đến ngày 01/4/2023 được xác định lại là $19 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 4.120.000.000 \text{ đồng} = 649.724.000 \text{ đồng}$.

[2.2] Tại phiên toà sơ thẩm ngày 04/4/2023, nguyên đơn bà Hồ Thị B rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi 686.600.000 đồng xuống còn 300.000.000 đồng. Tuy nhiên, Toà án cấp sơ thẩm chưa áp dụng Điều 244 BLTTDS 2015 để đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi 386.600.000 đồng là chưa đúng quy định pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, buộc vợ chồng ông Hoàng Anh D và bà Nguyễn Thị Như Ý phải trả cho bà Hồ Thị B số tiền $(4.270.000.000 \text{ đồng} - 150.000.000 \text{ đồng}) + 300.000.000 \text{ đồng} + 649.724.000 \text{ đồng} = 5.069.724.000 \text{ đồng}$ (bao gồm tiền gốc và tiền lãi); đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi 386.600.000 đồng.

[3]. Về án phí: Án phí dân sự phúc thẩm:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông D, bà Ý phải chịu án phí trên số tiền 5.069.724.000 đồng là $\{112.000.000 \text{ đồng} + (1.069.724.000 \text{ đồng} \times 0,1\%)\} = 113.069.724 \text{ đồng}$.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm, nên các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Anh D và bà Nguyễn Thị Như Ý.

Căn cứ Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự: Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 08/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Tòa án nhân dân quận Thuận Hóa, thành phố H); tuyên xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 188, Điều 208, Điều 244, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1, 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1, 2 Điều 26; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị B. Buộc vợ chồng ông Hoàng Anh D và bà Nguyễn Thị Như Ý phải trả cho bà Hồ Thị B số tiền 5.069.724.000 đồng (Năm tỉ không trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Hồ Thị B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Hoàng Anh D, bà Nguyễn Thị Như Ý chưa thi hành số tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị B đối với số tiền 35.440.000 đồng (Ba mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 386.600.000 đồng (Ba trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồ Thị B phải chịu án phí là 1.720.000 đồng, bà Hồ Thị B là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí cho bà Hồ Thị B.

Ông Hoàng Anh D, bà Nguyễn Thị Như Ý phải chịu án phí là 113.069.724 đồng.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu, trả lại cho ông Hoàng Anh D, bà Nguyễn Thị Như Ý số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006164 ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Chi cục Thi hành án dân sự quận Thuận Hoá, thành phố H).

Trường hợp, bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Huế;
- TAND quận Thuận Hoá;
- Chi cục THADS quận Thuận Hoá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa DS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Vũ Tiến

